

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
\*\*\*\*\*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH 2**

**Số tín chỉ: 02**  
**Trình độ đào tạo: Đại học**  
**Ngành đào tạo: Không chuyên**

**Năm 2019**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH 2**

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Không chuyên

- 1. Tên học phần:** Tiếng Anh 2
- 2. Mã học phần:** TANH 201
- 3. Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- 4. Trình độ:** Sinh viên đại học năm thứ 2
- 5. Phân bổ thời gian**
  - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
  - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh 1.
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com
8	ThS. Đặng Thị Minh Phương	0352598717	phuongdhsd@gmail.com
9	ThS. Đặng Thị Thanh	0345356658	Dangthanhhhd79@gmail.com

**8. Mô tả nội dung của học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Lễ hội, khoa học, công nghệ, công việc, văn hóa, âm nhạc, phát minh, thời tiết, kì nghỉ, phương tiện giao thông, hoạt động, kĩ năng, thói quen văn hóa, chính trị,... Ngoài ra, học phần còn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học và cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về động từ to be và động từ thường trong quá khứ, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và thì hiện tại hoàn thành.

**9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**9.1. Mục tiêu**

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
<b>MT1</b>	<b>Kiến thức</b>		
MT1.1	Liệt kê từ vựng thuộc các chủ điểm giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày: Lễ hội, công nghệ, môi trường, công việc, nơi làm việc, thể giới.	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Phân biệt các thời động từ: Quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, cấu trúc câu so sánh.	2	[1.2.1.1b]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
MT2.1	Nói, hội thoại, thuyết minh được về các chủ điểm giao tiếp thông thường gắn liền với chủ đề của bài học (lễ hội của địa phương, của thế giới, công việc của bản thân, của người khác, phát minh hoặc thành tựu khoa học)	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Nghe hiểu về các chủ điểm giao tiếp thông thường gắn liền với chủ đề của bài học. Đọc hiểu và tóm tắt các đoạn văn về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình như đoạn văn miêu tả lễ hội, môi trường, công việc của mình hoặc của người khác, nơi làm việc.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	Viết đoạn văn 150-180 từ về các chủ điểm như viết về một lễ hội, một phát minh, một ứng dụng công nghệ, hoặc vấn đề môi trường tự nhiên hiện nay.	4	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc	3	[1.2.3.1]

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
	lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		

## 9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CDR học phần trong CTĐT</b>
<b>CDR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CDR1.1	Trình bày được các từ vựng theo các chủ điểm: lễ hội, công nghệ, môi trường, công việc, nơi làm việc, thế giới.	1	[2.2.8]
CDR1.2	Diễn giải cách sử dụng các cấu trúc câu đơn giản: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, cấu trúc câu so sánh.	2	
<b>CDR2</b>	<b>Kĩ năng</b>		
CDR2.1	Giới thiệu về một lễ hội ở địa phương mình ở hoặc trên thế giới, thuyết minh về một phát minh, một sản phẩm công nghệ, trình bày về công việc của bản thân hoặc của người khác...	3	[2.2.8]
CDR2.2	Giao tiếp một cách rõ ràng, lưu loát về các chủ điểm đã được thực hành trên lớp.	3	[2.2.8]
<b>CDR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách	3	[2.3.1]

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CDR học phần trong CTĐT</b>
	nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		

### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

<b>Chương</b>	<b>Nội dung học phần</b>	<b>Chuẩn đầu ra của học phần</b>						
		<b>CDR1</b>		<b>CDR2</b>		<b>CDR3</b>		
		<b>CDR 1.1</b>	<b>CDR 1.2</b>	<b>CDR 2.1</b>	<b>CDR 2.2</b>	<b>CDR 3.1</b>	<b>CDR 3.2</b>	<b>CDR 3.3</b>
1	Unit 7- Festival fever 7.1. Vocabulary: Reading: music 7.2. Grammar: Past simple: to be 7.3. Vocabulary: Reading: festivals 7.4. Grammar focus: Past simple affirmative 7.5. Reading and speaking 7.6. Listening 7.7. Real time	x	x	x	x	x	x	x
2	Unit 8- Weird science 8.1. Vocabulary & Reading: everyday technology 8.2. Grammar focus: past simple negative and questions 8.3. Vocabulary & Reading: modern science 8.4. Grammar focus: past simple and question words	x	x	x	x	x	x	x
3	Unit 9 – Go green	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	9.1. Vocabulary & listening: green lifestyle 9.2. Grammar focus: comparative Adjectives 9.3. Vocabulary & reading: our planet 9.4. Grammar focus: will for predictions 9.5. Vocabulary & listening: weather 9.6. Reading and Speaking 9.7. Listening and writing 9.8. Real time							
4	Active study 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	x	x	x	x	x	x	x
5	Unit 10 – Getting away 10.1. Grammar focus: superlative Adjectives 10.2. Reading and speaking 10.3. Vocabulary and speaking: summer holidays 10.4. Grammar focus: be going to 10.5. Vocabulary and reading: transport 10.6. Listening and speaking	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
6	Unit 11 – Nice work? 11.1. Vocabulary & Reading: jobs 11.2. Grammar focus: have to 11.3. Listening & Reading 11.4. Grammar focus: prepositions 11.5. Vocabulary & speaking: personal qualities 11.6. Vocabulary & Reading: jobs 11.7. Listening & Reading 11.8. Real time	x	x	x	x	x	x	x
7	Unit 12 – Our world 12.1. Reading & Speaking 12.2. Grammar focus: If - imperative 12.3. Vocabulary & Reading: politics 12.4. Grammar focus: Present perfect 12.5. Reading & Vocabulary 12.6. Listening & Speaking	x	x	x	x	x	x	x
8	Active study 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	x	x	x	x	x	x	x

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CDR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CDR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên.	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Trắc nghiệm Thời gian: 120 phút	50%	

### 11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo hai nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 theo chương trình học phần, trong quá trình thi nói sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung thi giữa học phần gồm các chủ đề đã học từ bài số 7-9 với các yêu cầu:

- + Phát âm chuẩn, lưu loát
- + Bố cục bài nói cụ thể, rõ ràng
- + Nội dung bài nói đảm bảo thời gian (7 phút)
- + Trả lời được câu hỏi của giáo viên về chủ đề nói

Điểm chấm bài kiểm tra giữa học phần được đánh giá theo đáp án.

- Thi kết thúc học phần diễn sau khi kết thúc học phần 1 tuần (theo kế hoạch của phòng Đào tạo), trước khi thi sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi. Đề thi được trưởng bộ môn và phòng TT, KT&ĐBCL chọn một cách ngẫu nhiên và được đồng bộ trên phần mềm thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên



không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kết thúc học phần gồm 2 phần (Thi Nghe và Đọc hiểu) với các yêu cầu:

Thi Nghe:

- + Part 1: Nghe và chọn tranh phù hợp
- + Part 2: Nghe và chọn đáp án đúng
- + Part 3: Nghe và chọn đáp án đúng

Thi Đọc hiểu:

- + Part 1: Chọn biểu hiệu phù hợp
- + Part 2: Đọc đoạn văn và lựa chọn đáp án đúng
- + Part 3: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi
- + Part 4: Tìm từ khác loại
- + Part 5: Điền từ vào chỗ trống
- + Part 6: Tìm câu thứ 2 nghĩa không thay đổi so với câu đã cho

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

## **12. Phương pháp dạy và học**

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các vấn đề và thảo luận để hiểu các nội dung chính bài học được đề cập dưới sự hướng dẫn của giảng viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học.

## **13. Yêu cầu học phần**

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, hội thoại tiếng Anh.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa ọc phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

## **14. Tài liệu phục vụ học phần**

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]. Marty Hobbs Julia Starr Keddle, *Real life – Elementary – Students’ book*, Pearson Longman.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge Press

### 15 . Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	<p><b>Unit 7- Festival fever</b>  <b>Mục tiêu:</b>            - Trình bày các từ vựng lễ hội            - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ thường chia ở thì quá khứ đơn (thể khẳng định)            - Hội thoại về những việc đã làm trong lễ hội.  <b>Nội dung cụ thể:</b>  <b>7.1. Vocabulary:</b> Reading: music  <b>7.2. Grammar:</b> Past simple: to be  <b>7.3. Vocabulary:</b> Festivals  <b>7.4. Grammar focus:</b> Past simple affirmative</p>	2	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu cách chia động từ to be ở quá khứ tài liệu [2].</li> <li>- Hoàn thành các bài tập 1-8 trang 56-57 phần bài tập tài liệu [1].</li> <li>- Liệt kê các từ vựng có liên quan đến âm nhạc.</li> </ul>
2	<p><b>Unit 7- Festival fever (cont)</b>  <b>Mục tiêu:</b>            - Nhắc lại các từ vựng lễ hội            - Đọc hiểu và nói lại thành thạo những gì đã xảy ra trong quá khứ sử dụng động từ thường chia ở thì quá khứ đơn.            - Nghe hiểu về những việc đã làm trong lễ hội.  <b>Nội dung cụ thể:</b>  <b>7.5. Reading and speaking</b>  <b>7.6. Listening</b>  <b>7.7. Real time</b></p>	2	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê được các từ vựng liên quan đến lễ hội.</li> <li>- Tìm hiểu cách sử dụng động từ thường ở thời quá khứ đơn trong tài liệu [2].</li> <li>- Hoàn thành bài tập trang 58-63 phần bài tập tài liệu [1].</li> </ul>
3	<p><b>Unit 8- Weird science</b>  <b>Mục tiêu:</b>            - Trình bày các từ vựng liên quan đến công nghệ và sáng tạo.</p>	2	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê các từ vựng liên quan đến công nghệ và khoa học.</li> <li>- Tìm hiểu cách thành lập</li> </ul>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>- Hiểu và sử dụng thành thạo động từ thường chia ở thì quá khứ đơn (thể phủ định và nghi vấn).</p> <p>- Hội thoại về những việc đã làm trong quá khứ.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>8.1. Vocabulary &amp; Reading:</b> everyday technology</p> <p><b>8.2. Grammar focus:</b> past simple negative and questions</p> <p><b>8.3. Vocabulary &amp; Reading:</b> modern science</p> <p><b>8.4. Grammar focus:</b> past simple and question words</p>			<p>câu hỏi với thì quá khứ đơn trong tài liệu [2].</p> <p>- Lập hội thoại hỏi đáp về các hoạt động cuối tuần.</p> <p>- Hoàn thành bài tập trang 64-67 phần bài tập tài liệu [1].</p>
4	<p><b>Unit 8- Weird science (cont)</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Nhắc lại các từ vựng về công nghệ, phát minh.</p> <p>- Nghe hiểu và nhắc lại các động từ thường chia ở thì quá khứ đơn.</p> <p>- Hội thoại về những phát minh, công nghệ trong quá khứ.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>8.5. Listening and speaking</b></p> <p><b>8.6. Vocabulary &amp; Reading:</b> inventions</p> <p><b>8.7. Listening and speaking</b></p>	2	[1]	<p>- Hoàn thành các bài tập trang 1-9 trang 68-71 phần bài tập tài liệu [1].</p> <p>- Tra từ mới bài đọc trang 69 tài liệu [1].</p>
5	<p><b>Active study 4</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Nhắc lại các từ vựng về lễ hội, công nghệ, phát minh.</p> <p>- Trình bày được cấu trúc động từ ở thì quá khứ đơn.</p> <p>- Hội thoại về lễ hội, phát minh, công nghệ trong quá khứ.</p>	2	[1] [2]	<p>- Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 7-Unit 8.</p> <p>- Hoàn thành bài tập trang 70-71 tài liệu [1].</p> <p>- Tra từ mới phần Reading trang 71 tài liệu [1].</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>1. Vocabulary</b></p> <p><b>2. Grammar</b></p> <p><b>3. Reading skills</b></p> <p><b>4. Listening skills</b></p> <p><b>5. Speaking skills</b></p>			
6	<p><b>Unit 9 – Go green</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày các từ vựng liên quan đến chủ đề môi trường.</li> <li>- Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc so sánh của tính từ, cách nói phỏng đoán, thời tiết.</li> <li>- Hội thoại về thời tiết.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>9.1. Vocabulary &amp; listening:</b> green lifestyle</p> <p><b>9.2. Grammar focus:</b> comparative Adjectives</p> <p><b>9.3. Vocabulary &amp; reading:</b> our planet</p> <p><b>9.4. Grammar focus:</b> will for predictions</p> <p><b>9.5. Vocabulary &amp; listening:</b> weather</p>	2	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu cấu trúc so sánh hơn của tính từ, cách dùng Will chỉ sự phỏng đoán trong tài liệu [2].</li> <li>- Hoàn thành bài tập trang 74-77 phần workbook tài liệu [1].</li> <li>- Thiết lập đoạn hội thoại về thời tiết.</li> <li>- Liệt kê các từ vựng liên quan đến phong cách, thời tiết.</li> </ul>
7	<p><b>Unit 9 – Go green (cont)</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại các từ vựng liên quan đến chủ đề môi trường.</li> <li>- Nghe và nhắc lại về chủ đề môi trường.</li> <li>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>9.6. Reading and Speaking</b></p>	2	[1]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ mới phần bài đọc trang 76 tài liệu [1].</li> <li>- Hoàn thành bài tập tr.78-81 phần workbook tài liệu [1].</li> <li>- Thiết lập đoạn hội thoại mua sắm quần áo trong cửa hàng.</li> </ul>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<b>9.7. Listening and writing</b> <b>9.8. Real time</b>			
8	<b>Kiểm tra giữa học phần</b>	2	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn tập các nội dung từ unit 7 đến unit 9.</li> <li>- Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.</li> </ul>
9	<b>Unit 10 – Getting away</b> <b>Mục tiêu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại các từ vựng liên quan đến kì nghỉ hè.</li> <li>- Trình bày cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ.</li> <li>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai.</li> </ul> <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>10.1. Grammar focus:</b> superlative Adjectives <b>10.2. Reading and speaking</b> <b>10.3. Vocabulary and speaking:</b> summer holidays	2	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu cách dùng cấu trúc câu so sánh nhất trong tài liệu [2].</li> <li>- Liệt kê các từ vựng liên quan đến kì nghỉ hè.</li> <li>- Hoàn thành các bài tập trang 82-85 phần workbook tài liệu [1].</li> </ul>
10	<b>Unit 10 – Getting away (cont)</b> <b>Mục tiêu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng liên quan đến chủ đề giao thông vận tải.</li> <li>- Trình bày cấu trúc nói về kế hoạch trong tương lai.</li> <li>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề giao thông.</li> </ul> <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>10.4. Grammar focus:</b> be going to <b>10.5. Vocabulary and</b>	2	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê các từ vựng liên quan đến chủ đề giao thông vận tải.</li> <li>- Tra từ mới phần bài đọc trang 84 tài liệu [1].</li> <li>- Hoàn thành bài tập trang 86-87 phần workbook tài liệu [1].</li> </ul>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<b>reading:</b> transport <b>10.6. Listening and speaking</b>			
11	<b>Active study 5</b> <b>Mục tiêu:</b> - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến môi trường, giao thông. - Trình bày cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ, nói về kế hoạch tương lai, phỏng đoán... - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>1. Vocabulary</b> <b>2. Grammar</b> <b>3. Reading skills</b> <b>4. Listening skills</b> <b>5. Speaking skills</b>	2	[1]	- Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 9-Unit 10. - Hoàn thành bài tập trang 88-89 tài liệu [1]. - Tra từ mới phần Reading trang 87 tài liệu [1].
12	<b>Unit 11 – Nice work?</b> <b>Mục tiêu:</b> - Nhớ được các từ vựng liên quan đến công việc. - Trình bày cấu trúc nói về trách nhiệm, sử dụng được đúng các giới từ cơ bản. - Trình bày quan điểm của bản thân về phẩm chất của công người. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>11.1. Vocabulary &amp; Reading: jobs</b> <b>11.2. Grammar focus: have to</b> <b>11.3. Listening &amp; Reading</b> <b>11.4. Grammar focus: prepositions</b> <b>11.5. Vocabulary &amp;</b>	2	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng về chủ đề công việc. - Tìm hiểu cách dùng động từ have to trong tài liệu [2]. - Hoàn thành các bài tập trang 90-93 phần workbook tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<b>speaking:</b> personal qualities			
13	<p><b>Unit 11 – Nice work? (cont)</b>  <b>Mục tiêu:</b>  - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến công việc.  - Trình bày và lấy ví dụ với cấu trúc chỉ trách nhiệm, với các giới từ.  - Đọc hiểu và đưa ra quan điểm của bản thân về vấn đề công việc hiện nay.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b>  <b>11.6. Vocabulary &amp; Reading:</b> jobs  <b>11.7. Listening &amp; Reading</b>  <b>11.8. Real time</b></p>	2	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc, tra từ điển bài đọc trang 92 tài liệu [1].</li> <li>- Thiết lập đoạn hội thoại phỏng vấn xin việc.</li> <li>- Hoàn thành các bài tập trang 94-97 phần workbook tài liệu [1].</li> </ul>
14	<p><b>Unit 12 – Our world</b>  <b>Mục tiêu:</b>  - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến thế giới, chính trị.  - Trình bày cấu mệnh lệnh thức, hiện tại hoàn thành.  - Thực hành nói về chủ đề chính trị.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b>  <b>12.1. Reading &amp; Speaking</b>  <b>12.2. Grammar focus:</b> If - imperative  <b>12.3. Vocabulary &amp; Reading:</b> politics  <b>12.4. Grammar focus:</b> Present perfect</p>	2	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tìm hiểu về mệnh lệnh thức với If trong tài liệu [2].</li> <li>- Liệt kê các từ vựng liên quan đến chính trị.</li> <li>- Tìm hiểu cấu trúc, cách sử dụng thì hiện tại hoàn thành.</li> <li>- Hoàn thành các bài tập trang 98-101 phần workbook tài liệu [1].</li> </ul>
15	<p><b>Unit 12 – Our world (cont)</b>  <b>Mục tiêu:</b>  - Nhắc lại các từ vựng liên</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ mới phần bài đọc trang 100 tài liệu [1].</li> <li>- Hoàn thành các bài tập</li> </ul>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>quan đến thế giới, chính trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày cấu trúc, lấy ví dụ cho thì hiện tại hoàn thành và mệnh lệnh thức.</li> <li>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề chính trị của một nước Đông Nam Á.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>12.5. Reading &amp; Vocabulary</b></p> <p><b>12.6. Listening &amp; Speaking</b></p> <p><b>Active study 6</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vocabulary</li> <li>2. Grammar</li> <li>3. Reading skills</li> <li>4. Listening skills</li> <li>5. Speaking skills</li> </ol>	2	<p>[1]</p> <p>[2]</p>	<p>trang 102-105 phần workbook tài liệu [1].</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành các bài tập trang 102-109 tài liệu [1].</li> </ul>

Ngày 02 tháng 8 năm 2019

TRƯỜNG KHOA    TRƯỞNG BỘ MÔN

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiên

Trịnh Thị Chuyên